

Số: 03/2022/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 25 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TƯ (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Xét Tờ trình số 1822/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số

27/BC-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2, bao gồm việc lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

b) Không áp dụng đối với các trường hợp lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cộng đồng do ngân sách chi trả theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế tỉnh Bình Dương (trừ các cơ sở y tế của Nhà nước thực hiện dịch vụ y tế dự phòng);

b) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương (trừ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các bệnh viện hạng đặc biệt, bệnh viện hạng I thuộc các Bộ, cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh);

c) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xét nghiệm SARS-CoV-2 tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

a) Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn:

Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2. Mức thanh toán tối đa không quá 78.000 đồng/ xét nghiệm.

b) Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng máy miễn dịch tự động hoặc bán tự động mẫu đơn:

Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/TT-BYT. Mức thanh toán tối đa không quá 178.900 đồng/xét nghiệm.

c) Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR

- Trường hợp mẫu đơn:

Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 cho phản ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/TT-BYT. Mức thanh toán tối đa không quá 501.800 đồng/xét nghiệm.

- Trường hợp gộp mẫu:

Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 cho phản ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/TT-BYT, trong đó sinh phẩm xét nghiệm cho phản ứng được chia đều theo số mẫu gộp. Mức thanh toán tối đa không vượt quá mức giá xét nghiệm gộp mẫu quy định tại cột 2 mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Ban CTĐB;
- Các Bộ: Y tế, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm CB, Website tỉnh, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Các phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Ly (4).

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chánh

Phụ lục
MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: đồng

| STT | DANH MỤC DỊCH VỤ | Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) | Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm |
|------------|---|---|--|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn | 11.200 | 78.000 |
| II | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/ bán tự động mẫu đơn, gồm: | 30.800 | 178.900 |
| III | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm: | 212.700 | |
| 1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 45.400 | |
| 2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 167.300 | |
| 3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | 501.800 |
| IV | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp | | |
| 1 | Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu) | 78.800 | |
| 1.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 24.100 | |
| 1.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 54.700 | |
| 1.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 1.3.1 | Trường hợp gộp 2 que | | 223.300 |
| 1.3.2 | Trường hợp gộp 3 que | | 175.100 |
| 1.3.3 | Trường hợp gộp 4 que | | 151.000 |
| 1.3.4 | Trường hợp gộp 5 que | | 136.600 |
| 2 | Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu) | 62.500 | |
| 2.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 23.300 | |
| 2.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 39.200 | |

| STT | DANH MỤC DỊCH VỤ | Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) | Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm |
|----------|---|---|--|
| 2.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 2.3.1 | Trường hợp gộp 6 que | | 110.600 |
| 2.3.2 | Trường hợp gộp 7 que | | 103.800 |
| 2.3.3 | Trường hợp gộp 8 que | | 98.600 |
| 2.3.4 | Trường hợp gộp 9 que | | 94.600 |
| 2.3.5 | Trường hợp gộp 10 que | | 91.400 |
| 3 | Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm | 112.500 | |
| 3.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 48.400 | |
| 3.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 64.100 | |
| 3.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 3.3.1 | Trường hợp gộp 2 mẫu | | 257.000 |
| 3.3.2 | Trường hợp gộp 3 mẫu | | 208.800 |
| 3.3.3 | Trường hợp gộp 4 mẫu | | 184.700 |
| 3.3.4 | Trường hợp gộp 5 mẫu | | 170.300 |
| 4 | Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm | 97.200 | |
| 4.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 49.200 | |
| 4.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 48.000 | |
| 4.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 4.3.1 | Trường hợp gộp 6 mẫu | | 145.300 |
| 4.3.2 | Trường hợp gộp 7 mẫu | | 138.500 |
| 4.3.3 | Trường hợp gộp 8 mẫu | | 133.300 |
| 4.3.4 | Trường hợp gộp 9 mẫu | | 129.300 |
| 4.3.5 | Trường hợp gộp 10 mẫu | | 126.100 |